

Bản án số 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2024

V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh
2. Ông Nguyễn Duy Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị P**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.**

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Lâu Văn S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: **Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.**

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn chị **Dương Thị P** trong quá trình giải quyết vụ án: Chị và anh **Lâu Văn S** cưới nhau năm 2006 tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**. Cả hai chỉ tổ chức đám cưới chứ không đăng ký kết hôn

tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, có ba con chung là các cháu **Lâu Văn G**, sinh ngày 10/11/2009, **Lâu Văn S1**, sinh ngày 21/02/2008, **Lâu Mênh M**, sinh ngày 19/3/2013. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không có sự tôn trọng nhau, cả hai đã sống ly thân 6 năm, hiện tại không còn tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **Lâu Văn S**; về con chung: giao ba con chung cho anh **Lâu Văn S** nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Theo lời trình bày của bị đơn anh **Lâu Văn S** trong quá trình giải quyết vụ án thì: anh **Lâu Văn S2** thống nhất với lời trình bày của chị **Dương Thị P** về thời gian chung sống và con chung. Hiện nay chị **Dương Thị P** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn, vì thực tế cả hai đã sống ly thân 6 năm, hiện nay không còn tình cảm nữa; về con chung: Anh đồng ý nuôi dưỡng các con chung; về cấp dưỡng: tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung: không có.*

*Theo ý kiến trình bày của các cháu **Lâu Văn G**, **Lâu Văn S1**, **L** Mênh Mông thì nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là ở với bố.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Dương Thị P** và anh **Lâu Văn S** là vợ chồng. Về con chung: giao các cháu **Lâu Văn G**, sinh ngày 10/11/2009, **Lâu Văn S1**, sinh ngày 21/02/2008, **Lâu Mênh M**, sinh ngày 19/3/2013 cho anh **Lâu Văn S** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có. Về án phí: chị **Hoàng Thị P1** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị **Hoàng Thị P1** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Lâu Văn S** nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh **Lâu Văn S**) có nơi cư trú tại **thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị **Hoàng Thị P1** và anh **Lâu Văn S** tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2006, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung xảy ra mâu thuẫn, cả hai xác định đã sống ly thân 6 năm, cả hai đều xác định tình cảm hiện nay không còn nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Theo Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị P1** và anh **Lâu Văn S** không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.”*.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị P1** và anh **Lâu Văn S** là vợ chồng là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.*

Các đương sự thống nhất được việc giao các con chung cho anh **Lâu Văn S** nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của các cháu, nên cần chấp nhận giao các cháu **Lâu Văn G**, sinh ngày 10/11/2009, **Lâu Văn S1**, sinh ngày 21/02/2008, **Lâu Minh M**, sinh ngày 19/3/2013 cho anh **Lâu Văn S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị **Hoàng Thị P1** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị P1** và anh **Lâu Văn S** là vợ chồng.

2. Về con chung: giao các cháu **Lâu Văn G**, sinh ngày 10/11/2009, **Lâu Văn S1**, sinh ngày 21/02/2008, **Lâu Minh M**, sinh ngày 19/3/2013 cho anh **Lâu Văn S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí: chị **Hoàng Thị P1** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005954 ngày 22/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk Rla
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung

